

Bản án số: 70/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 11-9-2024
“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG, TỈNH VINH LONG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Mỹ Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Châu Thanh Tân

Bà Nguyễn Thị Kim Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà My – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vinh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thủy Tiên – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vinh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2024 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2024/QĐXX-ST ngày 01 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1991; địa chỉ cư trú: số D, khóm T, phường T, thành phố V, tỉnh Vinh Long; chỗ ở hiện nay: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang (có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Anh **Lê Văn Đ**, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: Số D, khóm T, phường T, thành phố V, tỉnh Vinh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/6/2024, Biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 31/7/2024 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Nguyễn Thị N trình bày:

- Về hôn nhân: chị N và anh Đ quen biết và tìm hiểu khoảng hơn 02 năm thì đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2016, đến ngày 03/3/2016 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân hạnh phúc. Đến đầu năm 2024, mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, thiếu niềm tin lẫn nhau, thường xuyên cự cãi, một phần do mẹ chồng hay can thiệp vào cuộc sống hôn nhân của vợ chồng, nói xấu với mọi người xung quanh làm rạn nứt tình cảm vợ chồng. Tháng 6/2024 chị N và anh Đ đã sống ly thân, chị N cùng 02 con dọn về nhà cha mẹ ruột sinh sống tại Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Chị N và anh Đ đã nhiều lần nói chuyện để giải quyết mâu thuẫn nhưng không hàn gắn tình cảm được, vợ chồng chị không nhờ chính quyền địa phương hòa giải mâu thuẫn. Từ khi chị N và anh Đ sống ly thân đến nay, anh Đ không đến tìm chị và thăm các con cũng không điện thoại hay nhắn tin cho chị. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh Đ, yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: chị N và anh Đ có 02 con chung tên Lê Ngọc N1, sinh ngày 08/6/2018 và Lê Ngọc N2, sinh ngày 09/9/2023, chị N yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con. Hiện tại hai con đang sống chung với chị tại nhà cha mẹ ruột của chị, chị có thu nhập ổn định từ việc bán vé số, bình quân 7.000.000đ – 8.000.000đ/tháng, đủ khả năng nuôi con, chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Lê Văn Đ vắng mặt suốt quá trình tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm: chị N có đơn xin xử vắng mặt và bảo lưu các ý kiến đã trình bày; bị đơn Lê Văn Đ vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

- Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự nên sẽ chịu hậu quả pháp lý theo quy định. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần 2 mà bị đơn vẫn vắng mặt, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N. Cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Lê Văn Đ. Giao 02 con tên Lê Ngọc N1 và Lê Ngọc N2 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Án phí ly hôn chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị N khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Đ, nên xác định đây là vụ án tranh chấp ly hôn được quy định tại Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố V, tỉnh Vĩnh Long nên căn cứ các Điều 28, 35, 36, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Nguyên đơn có đơn xin xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do, nên không tiến hành hòa giải được. Ngoài ra, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai: phiên tòa lần thứ nhất ngày 22/8/2024, phiên tòa lần thứ hai ngày 11/9/2024 nhưng đều vắng mặt, không có lý do nên xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị N và anh Đ tự tìm hiểu nhau, sau đó tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn vào ngày 03/3/2016 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Về mâu thuẫn vợ chồng: căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của chị N cho thấy, cuộc sống hôn nhân giữa chị N và anh Đ đã mâu thuẫn trầm trọng từ đầu năm 2024, do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thiếu niềm tin lẫn nhau, thường xuyên cự cãi và đã sống ly thân từ tháng 6/2024 cho đến nay, chị N giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Đ. Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Đ nhưng anh Đ không đến tham dự hòa giải hàn gắn tình cảm vợ

chồng, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị N. Cho thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, xử cho chị N và anh Đ ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3] Về con chung: chị N và anh Đ có 02 con chung: Lê Ngọc N1, sinh ngày 08/6/2018 và Lê Ngọc N2, sinh ngày 09/9/2023, hai con chung đang sinh sống với chị N, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung. Anh Đ không có ý kiến gì về yêu cầu nuôi con của chị N và hiện Lê Ngọc N2 dưới 36 tháng tuổi. Do đó, để bảo đảm quyền lợi mọi mặt của con, giúp con ổn định tinh thần, tâm lý, có chỗ ở ổn định Hội đồng xét xử quyết định giao 02 con chung cho chị N nuôi dưỡng. Chị N không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: chị N xác định chị và anh Đ không có tài sản chung, không có nợ chung, không ai nợ anh, chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: chị Nguyễn Thị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn là 300.000đ được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0007022 ngày 20/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long, chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Như phân tích trên, nên lời đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144, khoản 4 Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N với anh Lê Văn Đ.
2. Về con chung: giao con chung Lê Ngọc N1, sinh ngày 08/6/2018 và Lê Ngọc N2, sinh ngày 09/9/2023 cho chị Nguyễn Thị N tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Lê Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng,

giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung, nợ chung: chị N và anh Đ không có tài sản chung, không có nợ chung, không ai nợ anh, chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó không đặt ra xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0007022 ngày 20/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long, chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL;
- Các đương sự;
- THADS TPVL;
- VKSND TPVL;
- UBND xã H, huyện Cái Bè,
- Tiền Giang(Giấy CNKH số 14/2016, ngày 03/3/2016);
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Mỹ Thuận

